

Số: **260** /TTr-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019
của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ ba của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/05/2018;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được kiểm toán; căn cứ tình hình thị trường, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

I. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	Tỷ lệ so cùng kỳ	Tỷ lệ so kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)	(8)=(6)/(5)
1	Sản lượng	Tấn	10.654.762	9.256.000	9.339.416	88%	101%
	<i>Trong đó, sản lượng container</i>	<i>Teus</i>	<i>320.523</i>	<i>300.000</i>	<i>171.730</i>	<i>54%</i>	<i>57%</i>
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.119	1.224,4	1.011,29	90%	83%
3	Chi phí	Tỷ đồng	1.057,7	1.163,1	946,815	90%	81%
4	Lợi nhuận	Tỷ đồng	61,3	61,3	64,475	105%	105%

1. Về sản lượng:

Sản lượng thực hiện năm 2018 là 9.339.416 tấn đạt 88% so cùng kỳ và đạt 101% so kế hoạch giao. Các cảng Tân Thuận, Tân Thuận 2, CN BRVT khai thác tối đa công suất và phải thuê thêm các cảng lân cận để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Mặt hàng chính vẫn là hàng sắt thép và container. Cảng Hiệp Phước sau khi di dời từ Nhà Ròng Khánh Hội về khu Hiệp Phước Nhà Bè vẫn tiếp tục khai thác các mặt hàng truyền thống như

phân bón, thức ăn gia súc ... Do vị trí địa lý ở xa, sự cạnh tranh của các cảng trong khu vực Long An như cảng Bourbon, Quốc tế Long An ... nên ảnh hưởng đến tâm lý của khách hàng, một số khách hàng đã chuyển sang cảng khác làm hàng. Tuy nhiên, phần lớn các khách hàng truyền thống, thân thiết đều tin tưởng và tiếp tục đưa hàng về cảng.

Năm 2018, tình hình hàng hóa trong khu vực có sụt giảm so với 2017, do đó sản lượng hàng hóa thông qua cảng cũng giảm tương ứng.

- Container nội địa giảm 15% chủ yếu chỉ có hàng một chiều từ Bắc vào Nam, hàng từ Nam ra Bắc rất thấp. Các mặt hàng đóng container chủ yếu là phân bón, cement... nguồn hàng chủ yếu vẫn là từ Trung Quốc nhập khẩu vào khu vực phía Bắc và phân phối cho khu vực phía Nam.

- Hàng phân bón qua Cảng trong năm sụt giảm nhiều do thị trường có nhiều biến động như nguồn cung từ Trung Quốc sụt giảm do hạn chế xuất khẩu kèm theo các việc áp thuế tự vệ cho nguyên liệu DAP, MAP nhập khẩu. Đồng thời việc tiêu thụ hàng hóa Urea của các nhà máy sản xuất trong nước như Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ, Đạm Ninh Bình cũng làm giảm lượng hàng qua Cảng.

- Hàng sắt thép có tăng trưởng chủ yếu là sắt thép nội địa. Nguồn hàng từ các nhà máy sản xuất thép trong nước, chủ yếu là Công ty gang thép Formosa với sản lượng năm 2018 đạt 1,2 triệu tấn. Hàng nhập ngoại giảm do thị trường trong nước đã ổn định, dự trữ vẫn đáp ứng nhu cầu trong nước

2. Về doanh thu:

Doanh thu năm 2018 đạt 1.011 tỷ và đạt 83% so kế hoạch được giao. Nguồn thu giảm do: (i) bốc xếp container và các dịch vụ đi kèm như lưu bãi cont, vệ sinh cont (giảm 47%); (ii) lưu kho bãi giảm 30% do hàng sắt thép chủ yếu là hàng nội địa tập trung giao thẳng không lưu bãi như trước đây; (iii) cầu bến giảm 15% so cùng kỳ do ảnh hưởng di dời khu vực cảng Nhà Ròng Khánh Hội.

Doanh thu tăng từ cước hành khách tăng 14%; kinh doanh phao tăng 65% so cùng kỳ, mặt hàng tăng trưởng chủ yếu làm tại phao là than nhập khẩu từ Indonesia phục vụ cho các nhà máy nhiệt điện và thường sử dụng tàu lớn để giảm chi phí vận chuyển.

Doanh thu hoạt động tài chính của Cảng năm 2018 đạt hơn 58 tỷ đồng tăng 9,75 tỷ do lãi suất tiền gửi ngân hàng tăng 13,78 tỷ đồng, tuy nhiên cổ tức từ các công ty cổ phần giảm 3,77 tỷ đồng.

Doanh thu từ thu nhập khác giảm 16,61 tỷ đồng do không phát sinh các khoản thu nhập khác như bảo hiểm đền bù cần cầu bờ của Cảng Tân Thuận năm 2017 và thanh lý tài sản.

3. Về lợi nhuận:

Lợi nhuận năm 2018 đạt 64,4 tỷ đồng và đạt 105% so kế hoạch giao. Tuy doanh thu có giảm hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng Cảng đã quản lý tốt cơ sở hạ tầng, bảo dưỡng tốt trang thiết bị để tiết kiệm chi phí thuê ngoài, sửa chữa.

4. Về nộp ngân sách:

Năm 2018 Cảng thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của nhà nước, đã nộp số tiền là 78,9 tỷ đồng.

5. Hoạt động của các công ty góp vốn và công ty liên doanh:

* Đối với các Công ty có vốn góp chi phối của Cảng Sài Gòn:

Đơn vị	Năm 2017		Năm 2018		Tỷ lệ so cùng kỳ về	
	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)	Doanh thu	Lợi nhuận
Công ty CP Vận tải và DVHH CSG	39.717	9.077	38.148	3.475	96%	38%
Công ty CP Kỹ thuật TM & DV CSG	39.847	18.233	45.535	806	114%	4%
Công ty CP Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	163.046	20.966	167.758	8.557	103%	41%
Công ty CP Logistic Cảng Sài Gòn	17.218	67	3.941	-3.076	23%	-4591%

- Lợi nhuận các công ty cổ phần có vốn góp của Cảng giảm sâu trong năm 2018 so với 2017 (do trong năm 2017 các công ty này nhận được khoản thu nhập bất thường từ việc đền bù di dời khu vực Nhà Rông Khánh Hội).

- Dự án Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước: trong năm đã thực hiện các công việc như sau:

- + Xây dựng cầu tàu số 2 – Phân đoạn 6
- + Kè bờ sau bến
- + Nạo vét khu nước thuộc cầu tàu số 3 và bến sà lan
- + Kho tổng hợp
- + Xây dựng cầu tàu số 1 (dự kiến hoàn tất 30/05/2019 nếu đủ vốn)
- + Hệ thống xử lý nước thải và nhà vệ sinh số 1, số 2

* Đối với công ty liên doanh:

Nhìn chung, tình hình hoạt động của các liên doanh Cảng trong năm tiến triển tốt với EBITDA dương và có tăng trưởng so với năm 2017. Cảng CMIT đã hoạt động gần hết công suất thiết kế, Cảng SSIT đã tiếp nhận line tàu container ngoại đầu tiên là MSC, SPPSA khai thác tốt hàng nông sản cũng như sắt thép. Tuy nhiên doanh thu vẫn chưa thể bù đắp chi phí như khấu hao, lãi vay và hiện vẫn chưa hiệu quả. Công ty Korea Express Saigon Port và Công ty cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải đạt lợi nhuận tốt.

Đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Tỷ lệ so cùng kỳ		
	Doanh thu	EBITDA	Lợi nhuận	Doanh thu	EBITDA	Lợi nhuận	Doanh thu	EBITDA	Lợi nhuận
LD SSIT	105.905	51.282	456.257	210.747	102.564	-309.087	199%	200%	-68%
LD Cảng CMIT	789.015	159.720	-122.015	926.078	326.340	-194.012	117%	204%	-159%
LD Cảng SP-PSA	110.517	39.627	-195.921	149.345	53.613	-185.490	135%	135%	95%
LD Korea Express – Saigon Port	74.464		6.573	76.308		5.398	102%		82%
Công ty cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải (ODA)				218.362		32.079			

6. Về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện chủ trương của Cảng Sài Gòn về tiết kiệm chi phí như điện, nước, nhiên liệu, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác để giảm giá thành, kinh doanh có hiệu quả. Tổng số tiền tiết kiệm 3 tỷ đồng trong đó: Nhiên liệu tiết kiệm 130.305 lít tương đương 2,183 tỷ đồng; Điện, nước, văn phòng phẩm, tiếp khách tiết kiệm 360 triệu đồng.

7. Về công nợ phải thu của khách hàng:

Công nợ từ năm 2018 trở về trước là 138 tỷ đồng, chủ yếu phát sinh vào thời điểm cuối năm. Một số khoản công nợ lớn từ Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (15 tỷ đồng), Công ty Container Vinalines (17,8 tỷ đồng), Công ty TNHH VTB Nam Triệu (12 tỷ đồng), Vosco (9,2 tỷ đồng), Công ty Thép Miền Nam (8,1 tỷ đồng) ... Trong năm nợ phải thu khó đòi đã thu hồi được là 1,36 tỷ đồng chủ yếu từ Công ty như Vinawaco (1,04 tỷ đồng)

** Đánh giá chung kết quả thực hiện năm 2017:*

Kết quả đạt được:

- Tuy chưa đạt kế hoạch doanh thu nhưng cảng đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận, người lao động có lương ổn định, lương tháng 13 và thưởng Tết.

- Chất lượng dịch vụ tại cảng đã được cải thiện và được khách hàng vẫn tiếp tục tin tưởng đưa hàng về cảng.

- Triển khai công tác tái cơ cấu đúng tiến độ.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại chính như sau:

- Một số đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch được giao nên ảnh hưởng đến doanh thu của cảng.

- Cạnh tranh giữa các cảng tại khu vực Đồng Nai, Long An đặc biệt là cạnh tranh về giá ảnh hưởng đến việc đưa tàu về cảng Hiệp Phước đặc biệt là các mặt hàng truyền thống của cảng như phân bón, thức ăn gia súc.

- Việc áp dụng khung giá mới đối với hàng container và lai dắt tàu biển gây nhiều khó khăn cho cảng. Ngoài ra, mức giá bốc xếp hàng container áp dụng cho cảng là quá thấp, trong khi các chi phí đầu vào (lương, nhiên liệu, khấu hao do đầu tư trang thiết bị mới) tăng cao.

- Một số vụ tranh chấp khởi kiện thu hồi nợ chưa thể thu hồi do khách hàng không có tài sản thi hành án và một số đơn vị phát sinh các khoản nợ mới.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

1. Dự báo tình hình năm 2019:

Mặc dù nền kinh tế năm 2019 được nhận định là có tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro. Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói riêng và hoạt động sản xuất nói chung bị tác động bởi xu hướng bảo hộ thương mại; diễn biến thị trường ngoại hối khó lường Các yếu tố nói trên ảnh hưởng mạnh tới doanh nghiệp xuất nhập khẩu, làm hàng hóa thông qua cảng cũng bị tác động mạnh.

Hiện tại cảng vẫn tận dụng khu vực Nhà Ròng Khánh Hội, thời gian bàn giao chính thức không xác định sẽ ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất và tâm lý khách hàng sản lượng hàng hóa thông qua cảng (sản lượng hàng hóa tại Nhà Ròng Khánh Hội chiếm gần 50% sản lượng thông qua cảng Hiệp Phước).

Về chi phí, năm 2019, Cảng sẽ phát sinh tăng nhiều chi phí như (i) chi phí trích lập dự phòng tài chính hàng năm để bù đắp cho các liên doanh nhất là đối với liên doanh SSIT khi chấm dứt giai đoạn “ngủ đông” trong 2 năm cuối (năm 2019, 2020 tương đương 800 tỷ đồng); (ii) trích khấu hao sau khi đưa Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước vào khai thác tạm (55 tỷ/năm) và tiền thuê đất, mặt nước và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp khu cảng Sài Gòn Hiệp Phước phát sinh (7,3 tỷ đồng/năm); (iii) các chi phí đầu vào dự báo vẫn sẽ tiếp tục tăng đặc biệt là giá nhiên liệu, nhân công ...

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

2.1. Đối với Công ty mẹ:

Căn cứ văn bản số 192/HHVN-TTKH ngày 30/01/2019 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc dự kiến phân khai các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 theo BSC-KPI cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn như sau:

- Sản lượng : 9.951.000 TTQ
- Doanh thu : 1.047,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận : 92 tỷ đồng

Với chỉ tiêu được giao, Cảng Sài Gòn sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức trong việc hoàn thành kế hoạch năm 2019. Căn cứ vào những dự báo đã nêu trên, với các chi phí phát sinh và cố định trong năm nói trên thì khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận là rất

khó khăn, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét giảm chỉ tiêu lợi nhuận để cảng có thể đảm bảo hoàn thành kế hoạch và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

2.2. Đối với các chỉ tiêu hợp nhất:

Dựa trên các chỉ tiêu của Công ty mẹ, Hội đồng quản trị kính đề nghị kế hoạch các chỉ tiêu hợp nhất như sau:

- Sản lượng: 10.272.000 tấn.
- Doanh thu: 1.100 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 235 tỷ đồng.

3. Về cổ tức:

Năm 2019, Cảng Sài Gòn không thực hiện chi trả cổ tức theo đúng phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản năm 2019

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ ba của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/05/2018;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn báo cáo Đại hội đồng cổ đông kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản về như sau:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 2018:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, Cảng Sài Gòn đăng ký kế hoạch đầu tư như sau:

ĐVT: triệu đồng

Danh mục dự án đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
Dự án đầu tư xây dựng cơ bản	446.753	4.881	1%
Dự án trang thiết bị	160.380	29.756	19%

- Các dự án đều sử dụng nguồn vốn tự bổ sung, hạn chế vay để tiết giảm chi phí. Trong năm Cảng cũng thực hiện sửa chữa các công trình trong nội bộ cảng như sửa chữa kho bãi, thay các đệm tàu, bù trũng các nền kho do triều cường cao hơn các năm trước dẫn tới việc phải tốn kinh phí nâng cao độ các kho bãi liên tục. Tổng giá trị thực hiện trong năm là 11,831 tỷ đồng.

- Những tồn tại, vướng mắc và giải pháp đã thực hiện để xử lý.
- Trong năm tỷ lệ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản chỉ đạt 1% so với kế hoạch là do các chi phí đầu tư trong năm chỉ có chi phí tư vấn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư; nhiều dự án bị vướng thủ tục, không thể triển khai được như:

- + Khu Dịch vụ Hậu cần: đã trình thẩm định TKCS từ tháng 04/2018, nên dự kiến trong năm bắt đầu triển khai thi công. Tuy nhiên do dự án triển khai lại từ 2016 sau khi ngừng trình thủ tục từ 2011 nên đã có nhiều thay đổi về chính sách pháp luật (Luật Quy hoạch 2014, Luật Đất đai 2017...). Theo ý kiến của các sở, dự án cần bổ sung lập qui hoạch 1/500, bổ sung chủ trương đầu tư của Thủ tướng nên cần phải trình lại hồ sơ từ đầu. Trong năm chỉ thực hiện giá trị 400 triệu đồng so với dự kiến thực hiện 2018 là 342,344 tỷ đồng.

+ Dự án Văn phòng điều hành: Do chờ thủ tục sắp xếp đất đai sau cổ phần hóa nên không triển khai được. Tháng 10/2018 các Bộ, địa phương đã tổ chức kiểm tra rà soát. Hiện đang chờ các đoàn kiểm tra báo cáo Thủ tướng quyết định phê duyệt phương án sắp xếp đất đai. Giá trị thực hiện trong năm là 79 triệu đồng (dự kiến thực hiện 2018 là 68,199 tỷ đồng).

+ Bến phao Thiêng Liêng: trong năm không triển khai được do Cảng vụ TP HCM không đồng ý thỏa thuận vị trí bến phao đã chọn theo qui hoạch của Bộ GTVT (do ảnh hưởng ATHH). Đã chọn vị trí khác phù hợp và đã được Cục HHVN thỏa thuận vị trí. Hiện đang chuẩn bị trình Bộ GTVT thẩm định BCKTKT, trình Bộ TNMT thẩm định ĐTM. Giá trị thực hiện trong năm là 902 triệu đồng (dự kiến thực hiện 2018 là 12,66 tỷ đồng).

- Các cầu Cảng và bến phao thuộc CSG đã lâu không được nạo vét duy tu dẫn đến độ sâu khai thác giảm đáng kể, làm hạn chế tàu tải trọng lớn. Thủ tục xin phép bãi đổ bùn cho công tác duy tu nạo vét quá phức tạp.

Đối với đầu tư trang thiết bị: chỉ thực hiện được 19% so với kế hoạch là do trong năm đang tiến hành các thủ tục đấu thầu quốc tế để mua sắm cần cầu 100 tấn (94 tỷ đồng) chiếm 57% giá trị đăng ký kế hoạch.

2. Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa 2019:

ĐVT: triệu đồng

	Đầu tư mới	Sửa chữa	Tổng cộng
- Trang thiết bị	187.910	51.714	239.624
+ Chuyển từ 2018	100.100	0	100.100
+ Năm 2019	87.810	51.714	139.524
- Xây dựng cơ bản	96.563	42.178	138.741
+ Chuyển từ 2018	24.377		24.377
+ Năm 2019	77.186	42.178	119.364
Tổng cộng	284.473	93.892	378.365

2.1 Kế hoạch đầu tư mới:

a. Trang thiết bị:

Năm 2019, tổng giá trị đầu tư mới trang thiết bị là 187,91 tỷ đồng; trong đó bao gồm các hạng mục chính:

+ Cảng Tân Thuận: (i) đầu tư mua mới cần cầu 100T (94 tỷ đồng). Dự án này đã được triển khai và tổ chức đấu thầu từ giữa năm 2018, tuy nhiên do vướng mắc về thủ tục nên sẽ tổ chức đấu thầu lại trong quý 2/2019; (ii) đầu tư 03 xe nâng 30T (25,5 tỷ đồng) để tăng cường thiết bị cho cả 2 khu Tân Thuận và Tân Thuận 2 làm hàng sắt thép; (iii) nâng cấp trạm điện Tân Thuận 2 và xây mới trạm cung cấp điện cho cần cầu ở cầu K12C (tổng giá trị là 11 tỷ đồng) đảm bảo nguồn điện cung cấp cho các cần cầu tại các vị trí cầu cảng, tiết kiệm chi phí nhiên liệu; (iv) 2 đầu kéo giá trị 3,5 tỷ đồng phục vụ vận chuyển trong

khai thác đặc biệt là hàng sắt theo phương án tàu – bãi - xe và một số hạng mục đầu tư khác có giá trị nhỏ tương đương 1,2 tỷ đồng.

+ Cảng Hiệp Phước: (i) các hạng mục đầu tư có giá trị nhỏ, tổng mức đầu tư khoảng 610 triệu đồng như đường cáp quang, mạng; các phần mềm cho kho ngoại quan, cho hệ thống server ...; (ii) đầu tư 1 xe quét rác (1,2 tỷ đồng) để tăng chất lượng dịch vụ tại cảng.

+ Khu vực Bà Rịa Vũng Tàu: đầu tư 1 cần cầu để làm hàng tại bãi (16 tỷ đồng), mua mới 2 gàu hoa thị 6 cánh (4,4 tỷ đồng) để làm hàng sắt vụn (trong đó 1 gàu là dự án chuyển tiếp từ năm 2018 đã hoàn tất mua sắm và thanh toán trong năm 2019); đóng mới thêm 4 thùng ben vận chuyển sắt vụn (600 triệu đồng) để tiết kiệm chi phí thuê ngoài (năm 2018 đã đóng 8 thùng ben và mang lại hiệu quả đáng kể trong khai thác và tiết kiệm chi phí)

+ Đầu tư tại Văn phòng cảng: bao gồm các hạng mục: (i) một xe 7 chỗ và một xe 16 chỗ để phục vụ nhu cầu đi lại của toàn bộ khối văn phòng và Trung tâm Dịch vụ Hàng hải; các xe hiện có sẽ điều chuyển cho các đơn vị ở xa như Cảng Hiệp Phước, CN CSG tại BRVT để đáp ứng việc đưa rước cán bộ công nhân viên và đi lại của đơn vị; (ii) đầu tư công nghệ thông tin gồm: hệ thống lưu trữ dữ liệu (hệ thống này đã được duyệt và chuyển tiếp từ 2018, hiện nay đã thực hiện thủ tục mua sắm và đang trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp); hệ thống quản lý hàng rời (16,8 tỷ) phục vụ cho khai thác cảng nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ; phần mềm đánh giá công việc KPI (800 triệu đồng) theo yêu cầu của Tổng Công ty; (iii) và dự phòng phát sinh các khoản mục cấp thiết đầu tư cho nhu cầu khai thác (5 tỷ đồng).

b. Xây dựng cơ bản:

Tổng giá trị đầu tư mới về xây dựng cơ bản năm 2019 là 96,563 tỷ đồng bao gồm các hạng mục:

+ Cảng Hiệp Phước: đầu tư nhà chờ xe điện, hàng rào, nhà để xe cho cán bộ công nhân viên nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng và vật chất cho khách hàng và cán bộ công nhân viên. Tổng giá trị đăng ký là 3,08 tỷ đồng

+ Chi nhánh Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa Vũng Tàu: cải tạo phần bãi còn lại để tăng năng suất khai thác bãi và dễ dàng tìm kiếm khách hàng hơn. Giá trị đầu tư là 7 tỷ đồng.

+ Xí nghiệp Xây dựng công trình cảng: xây nhà kho và nhà để xe cho CBCNV tại vị trí mới (khu vực Tân Thuận B – quận 7) sau khi di dời bàn giao văn phòng cho Công ty TNHH Ngọc Viễn Đông. Giá trị xây dựng là 351 triệu đồng

+ Trung tâm Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn: thực hiện cải tạo sửa chữa khách sạn Cảng Sài Gòn (66-68 Nguyễn Tất Thành) để tiếp tục khai thác sau khi phương án sử dụng đất được phê duyệt (giá trị đầu tư 14 tỷ đồng); xây dựng nhà kho tại khu vực bãi Tân Thuận B (855 triệu đồng)

+ Các dự án do Cảng Sài Gòn quản lý: Nâng cấp 02 bến phao TL2 - TL4 trên sông Ngã Bảy (13,219 tỷ đồng); thuê tư vấn thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (5,052 tỷ đồng) và Khu phức hợp Văn phòng điều hành – TMDV (6,107 tỷ đồng). Đây là những dự án chuyển tiếp từ 2018 và tiếp tục thực hiện trong 2019 với giá trị đầu tư như trên. Các hạng mục đầu tư 2019 bao gồm: (i) Nạo vét duy tu các cầu cảng và

bến phao của Cty CP Cảng Sài Gòn (cầu K12C,K12A Cảng TT, cầu Cảng Nhà máy Thép MN, bến phao TL 6-8, bến phao B39, cầu cảng Hiệp Phước) tăng khả năng tiếp nhận tàu vào cảng với giá trị là 33,2 tỷ đồng trong đó riêng nạo vét cầu cảng Hiệp Phước là 25 tỷ đồng vì hiện nay tốc độ bồi lắng tại khu vực này khá nhanh, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận tàu của cảng Hiệp Phước; (ii) Dự án Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Giai đoạn 2 (8,7 tỷ đồng) tiến hành các thủ tục đầu tư; (iii) và dự phòng phát sinh các khoản mục cấp thiết đầu tư cho nhu cầu khai thác (5 tỷ đồng)

2.2 Các hạng mục sửa chữa:

a) Trang thiết bị: Tổng giá trị sửa chữa trang thiết bị năm 2019 là 51,714 tỷ đồng. Các hạng mục chủ yếu bao gồm: sửa chữa, thay thế thiết bị các xe nâng, cần cầu tại các đơn vị. Các thiết bị của cảng hầu như đã cũ, thường xuyên hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động khai thác cảng nên cần thiết phải sửa chữa trong năm 2019.

b) Xây dựng cơ bản: sửa chữa các bãi tại các khu vực Tân Thuận do các bãi này thường xuyên bị ngập khi có triều cường và để tăng khả năng chất xếp của các bãi.. Tổng giá trị khoảng 42,178 tỷ đồng.

Chi phí sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản, Cảng Sài Gòn đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép cảng được hạch toán vào chi phí giá thành hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng.

3. Về nguồn vốn đầu tư:

Hầu hết các hạng mục đầu tư tại Cảng Sài Gòn đều sử dụng nguồn vốn tự bổ sung; chỉ một số dự án sử dụng thêm nguồn vốn vay và từ nguồn vốn khác; cụ thể:

- Cần cầu 100T: Vốn tự bổ sung, vốn vay và vốn từ bảo hiểm cần cầu bị gãy
- Nâng cấp 2 bến phao TL2-TL4 và Khu phức hợp Văn phòng điều hành - TMDV: vốn vay và vốn tự bổ sung.
- Khu dịch vụ hậu cần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước: sử dụng vốn tự bổ sung, vốn vay và vốn huy động khách hàng.

Hội đồng Quản trị Công ty CP Cảng Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản 2019 như trên

Trân trọng kính trình ./.

Đính kèm:

- Kế hoạch xây dựng cơ bản 2019
- Kế hoạch mua sắm, sửa chữa trang thiết bị 2019

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



TT	Nội dung	Số lượng	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
				Tổng giá trị	Giá trị		
					Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
I	Cảng Hiệp Phước			6.925	2.410	4.515	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			600	600		
1	Thiết bị văn phòng	1	Các thiết bị máy tính, máy photocopy...	400	400		
2	Lắp đặt hệ thống camera giám sát	2	Camera nhà văn phòng	200	200		
b	Kế hoạch 2019			6.325	1.810	4.515	
3	Cáp quang, cáp mạng		Cáp quang, cáp mạng kết nối toà nhà VP, kho, cầu tàu	100	100		
4	Phần mềm kho ngoại quan, thông quan Hải Quan	1	Phần mềm kho ngoại quan, thông quan Hải Quan	140	140		
5	Biển hiệu Led, Quảng cáo, chỉ đường	1	Làm bảng hiệu Led, Biển quảng cáo, biển hướng dẫn đường vào Cảng	250	250		
6	Bản quyền phần mềm nâng cao cho hệ thống Server	1	Bản quyền phần mềm nâng cao cho hệ thống Server	120	120		
7	Xe quét rác công nghiệp ở Cảng	1	Xe quét rác công nghiệp ở Cảng	1.200	1.200		
8	Sửa chữa (cần cầu Liebherr 01, 02, 03, xe nâng, đầu kéo ...)			4.515		4.515	
II	Cảng Tân Thuận			172.272	135.200	37.072	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			94.800	94.800	0	
1	Phần mềm quản lý kho bãi	1	chi phí phần mềm quản lý hàng rời	800	800		
2	Cần cầu 100T	1	Mua mới	94.000	94.000		Vốn tự bổ sung và vốn từ bảo hiểm cần cầu bị gãy
b	Kế hoạch 2019			77.472	40.400	37.072	
	Đầu kéo	2	Mua mới 02 xe đầu kéo	3.500	3.500		
3	Trạm Tân Thuận 2		Nâng công suất 1600KVA và 3 line ra cầu cảng	5.000	5.000		
4	Trạm cung cấp điện cho cần cầu ở cầu K12C		Xây mới trạm điện công suất 1240KVA 22-0,4KV và 2 line ra cầu K12C	6.000	6.000		
5	Firewall cứng	1	Tường lửa hệ thống mạng	250	250		
6	Phần mềm thông quan điện tử	1		150	150		
7	Xe nâng 30 tấn	3		25.500	25.500		

TT	Nội dung	Số lượng	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
				Tổng giá trị	Giá trị		
					Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
8	Sửa chữa ở cả 2 khu vực Tân Thuận và Tân Thuận 2 (xe nâng KM, PPM, đầu kéo, cần cầu GW1,2,3,4; Gantry 01,02; cầu cân; hạ tầng mạng và camera)			37.072		37.072	
III	CN CSG tại BRVT			28.330	21.150	7.180	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			2.200	2.200	0	
1	Gàu hoa thị làm hàng sắt vụn	1		2.200	2.200		
b	Kế hoạch 2019			26.130	18.950	7.180	
2	Gàu hoa thị làm hàng sắt vụn	1		2.200	2.200		
3	Thùng ben vận chuyển sắt vụn (4 cái)			600	600		
4	Cầu bờ di động làm sắt vụn			16000	16.000		
5	Phần mềm thông quan điện tử			150	150		
6	Sửa chữa (2 cần cầu Liebherr, xe cuốc, xe xúc, xe nâng)			7.180		7.180	
V	Xí nghiệp Lai dắt tàu biển			2.900	1.700	1.200	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018					-	
b	Kế hoạch 2019			2.900	1.700	1.200	
1	Máy phát điện B100 (thay thế máy Atlas cũ)			1.700	1.700		
2	Sửa chữa (đăng kiểm định kỳ các tàu CSG 94,98 ...)			1.200		1.200	
VI	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cảng			1.260	-	1.260	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			-			
b	Kế hoạch 2019			1.260	-	1.260	
1	Sửa chữa các loại phương tiện (Xe lu, xe bang, xà lan, xe đào, cần trục ...)	1		1.260		1.260	
VII	Trung tâm Dịch vụ Hàng hải			220	0	220	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			0			
b	Kế hoạch 2019			220	-	220	
	Sửa chữa nhỏ, bao dưỡng trang thiết bị phục vụ công tác SXKD (tòa nhà VP, sửa chữa khác ...)		Bảo trì 2 thang máy	220		220	
VIII	Văn phòng cảng			27.717	27.450	267	0
a	Các hạng mục chuyển từ 2018			2.500	2.500	-	

TT	Nội dung	Số lượng	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
				Tổng giá trị	Giá trị		
					Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
1	Hệ thống lưu trữ dữ liệu			2.500	2.500		
b	Kế hoạch 2019			25.217	24.950	267	
2	Phần mềm quản lý hàng rời (TOS)			16.800	16.800		
3	Phần mềm đánh giá KPI (khối VP điều hành)			800	800		
4	Xe ô tô 7 chỗ			1.350	1.350		
5	Xe 16 chỗ			1.000	1.000		
6	Dự phòng phát sinh các hạng mục đầu tư			5.000	5.000		
8	Vật tư sửa chữa phao			267		267	
	Tổng cộng			239.624	187.910	51.714	-



TT	Tên dự án	Số lượng	ĐVT	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
					Tổng Giá trị	Giá trị		
						Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
I	Cảng Hiệp Phước				4.130	3.080	1.050	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018							
b	Kế hoạch 2019				4.130	3.080	1.050	
	Xây dựng mới nhà chờ xe điện (4 trạm)	5	cái	Xây trạm chờ xe điện toàn cảng	200	200		
	Xây dựng mới hàng rào VP Cảng	300	m		1.200	1.200		
	Xây dựng mới Nhà để xe VP Cảng	480	m ²		1.680	1.680		
	Sửa chữa kho 1, bãi, bích neo, đệm va				1.050		1.050	
II	Cảng Tân Thuận				33.413	0	33.413	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018				0	0	0	
b	Kế hoạch 2019				33.413	0	33.413	
	Sửa chữa nâng mương và nâng hồ ga trước khi nâng bãi C1			Sửa chữa nâng mương và nâng hồ ga bãi C1 (tổng chiều dài nâng mương L=470m và 19 hồ ga)	1.428		1.428	
	Sửa chữa nâng nền bù trũng bãi C1 giai đoạn 1	2954	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 70cm, lớp mặt bãi bằng BTNN dày 7cm	2.200		2.200	
	Sửa chữa nâng nền bù trũng bãi C1 giai đoạn 2	2780	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 70cm, lớp mặt bãi bằng BTNN dày 7cm	2.060		2.060	
	Sửa chữa nâng nền bù trũng bãi C1 giai đoạn 3	3116	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 70cm, lớp mặt bãi bằng BTNN dày 7cm	2.300		2.300	
	Sửa chữa nâng nền bù trũng bãi C1 giai đoạn 4	2040	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 70cm, lớp mặt bãi bằng BTNN dày 7cm	1.512		1.512	
	Sửa chữa nâng nền bù trũng bãi C2 sau cầu K12	3300	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 50cm, lớp mặt bãi bằng nhựa bán thấm dày 3.5cm tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m ² .	2.000		2.000	
	Sửa chữa nâng đường giáp khu dân cư từ ngã tư đến hết bãi C1 (DT: 189M*17M=3213M ²)	3213	m ²	Bù đá 0x4 dày trung bình 50cm, lớp mặt đường bằng BTNN dày 7cm	1.920		1.920	

TT	Tên dự án	Số lượng	ĐVT	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
					Tổng Giá trị	Giá trị		
						Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
	Sửa chữa Nâng nền bù trứng bãi C1 sau cầu K12A	6353	m2	Bù đá 0x4 dày trung bình 35cm, (lớp mặt đường bằng BTNN dày 7cm diện tích=1320,74m2. Lớp mặt bãi bằng nhựa bán thấm dày 3.5cm tiêu chuẩn nhựa 4.5kg/m2 diện tích = 5032,3m2)	2.350		2.350	
	Sửa chữa nâng đường, bãi các khu vực khác xung quanh bãi C1, gia cố mái kho và các công trình sửa chữa khác ở cả 2 khu Tân Thuận và Tân Thuận 2				17.643		17.643	
III	CN CSG tại BRVT				8.800	7.000	1.800	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018				0	0	0	
b	Kế hoạch 2019				8800	7000	1800	
	Cải tạo bãi				7.000	7.000		
	Sửa chữa (đường nội bộ Cảng Thép (đoạn nối dài); ray cần cầu, đệm va ...)				1.800		1.800	
V	Xí nghiệp Lai dắt tàu biển							
	Không							
VI	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cảng				616	351	265	
	Kế hoạch 2019							
	Nhà để xe CBCNV				160	160		
	Nhà kho				191	191		
	Sửa chữa khu vực trước và xung quanh văn phòng				265		265	
VII	Trung tâm Dịch vụ Hàng hải				17.005	14.855	2.150	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018							
b	Kế hoạch 2019				17.005	14.855	2.150	
	Bãi Tân Thuận B	500m2	m2	Xây dựng kho: tường gạch, mái tôn; nâng nền, dờn cổng	855	855		
	Cải tạo KS 66-68 NTT				14.000	14.000		
	Sửa chữa tuyến thoát nước, cống khu Tân Thuận B và đột xuất các hạng mục phát sinh				2.150		2.150	
VIII	Văn phòng cảng				74.777	71.277	3.500	
a	Các hạng mục chuyển từ 2018				24.377	24.377	-	
	Nâng cấp 02 bến phao TL2 - TL4 trên sông Ngã Bảy			Tổng giá trị: 14,813 tỷ đồng	13.219	13.219		vốn vay và vốn tự bổ sung.
	Khu dịch vụ hậu cần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước			Tổng giá trị: 758,245 tỷ đồng	5.052	5.052		vốn tự bổ sung, vốn vay và vốn huy động khách hàng
	Khu phức hợp Văn phòng điều hành - TMDV			Ước TMDT: 952,6 tỷ đồng	6.107	6.107		vốn vay và vốn tự bổ sung.
b	Kế hoạch 2019				50.400	46.900	3.500	
	Nạo vét duy tu các cầu cảng và bến phao của Cty CP Cảng Sài Gòn			Duy tu nạo vét cầu K12C,K12A Cảng TT. Cầu Cảng Nhà máy Thép MN. Bến phao TL 6-8, Bến phao B39	8.200	8.200		

TT	Tên dự án	Số lượng	ĐVT	Hạng mục thực hiện	DUYỆT KẾ HOẠCH			NGUỒN VỐN
					Tổng Giá trị	Giá trị		
						Đầu tư	Chi phí sửa chữa	
				Cầu cảng Hiệp Phước	25.000	25.000		
	Dự án Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Giai đoạn 2		triệu đồng	Ước TMDT: 5.478 tỷ đồng	8.700	8.700		
	Dự phòng phát sinh các hạng mục đầu tư				5.000	5.000		
	Sửa chữa nâng cấp Cầu K12B, K12C từ 45.000DWT lên 60.000DWT			Kiểm định, lập ĐTM, sửa chữa phục vụ nâng cấp	3.500		3.500	
	Tổng cộng				138.741	96.563	42.178	

Số: 262 /TTr-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh sách doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ ba của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/05/2018,

Để thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để lập và kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

- Là đơn vị kiểm toán được Bộ Tài Chính chấp thuận là doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

- Có đội ngũ kiểm toán viên có kinh nghiệm và trung thực, không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp liên doanh với Cảng Sài Gòn.

- Đáp ứng yêu cầu của Cảng Sài Gòn về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán.

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp nội dung kiểm toán do Cảng Sài Gòn yêu cầu.

2. Nội dung kiểm toán năm 2019:

a. Soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2019.

b. Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

3. Hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 là chào giá cạnh tranh.

Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định:

1. Thông qua các tiêu chí lựa chọn nêu trên để lựa chọn 1 trong 6 đơn vị kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young.
- Công ty TNHH Deloitte
- Công ty TNHH KPMG
- Công ty TNHH PWC
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn xem xét lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán và lập báo cáo tài chính năm 2019 của Cảng Sài Gòn.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Văn Cường

Số: 263/TT-CSVG

TP. HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNHVề việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018
của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ ba của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/05/2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính riêng năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam tiến hành kiểm toán và đã được công bố công khai theo quy định.

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Giám đốc
- (2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- (3) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2018
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2018

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã được kiểm toán:**a/ Bảng cân đối kế toán**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.110.227.876.028
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	105.842.560.727
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	773.497.260.274
III	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	184.829.259.645
IV	Hàng tồn kho	140	46.046.159.013
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	12.636.369
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.685.887.792.684
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	1.096.006.131.082

II	Tài sản cố định	220	340.802.768.355
III	Bất động sản đầu tư	230	203.382.714.754
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	29.544.871.920
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2.010.795.934.730
VI	Tài sản dài hạn khác	260	5.355.371.843
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		4.796.115.668.712
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.448.854.624.177
I	Nợ ngắn hạn	310	395.353.887.760
II	Nợ dài hạn	330	2.053.500.736.417
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430)	400	2.347.261.044.535
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.347.261.044.535
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	163.932.445.341
III	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.796.115.668.712

b/ Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.011.289.949.575
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	949.011.697.149
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	58.514.373.620
1.3	Thu nhập khác	3.763.878.806
2	Tổng chi phí	946.815.139.619
2.1	Giá vốn hàng bán	518.275.910.286
2.2	Chi phí tài chính	313.939.696.810
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	114.135.837.972
2.5	Chi phí khác	463.694.551
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	64.474.809.956
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.244.344.559
5	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.388.900.250
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.841.565.147

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm:

- (7) Báo cáo của Ban Giám đốc
- (8) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- (9) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018
- (10) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018
- (11) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2018
- (12) Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán.

a/ Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	4.382.567.483.624
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	157.631.150.191
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	827.706.982.496
III	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	292.269.344.227
IV	Hàng tồn kho	140	48.093.125.378
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	56.866.881.332
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.231.186.054.132
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	250.085.382.326
II	Tài sản cố định	220	388.382.061.202
III	Bất động sản đầu tư	230	203.382.714.754
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.672.792.965.323
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	710.097.313.912
VI	Tài sản dài hạn khác	260	6.445.616.615
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		4.613.753.537.756
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.716.867.279.731
I	Nợ ngắn hạn	310	505.056.580.269
II	Nợ dài hạn	330	2.211.810.699.462
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430+440)	400	1.896.886.258.025
I	Vốn chủ sở hữu	410	1.896.886.258.025
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(437.412.046.784)
III	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	430	151.037.262.027
IV	Nguồn kinh phí và quỹ khác	440	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.613.753.537.756

b/ Báo cáo kết quả kinh doanh:

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.135.621.508.101
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.078.507.044.533
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	52.453.936.763
1.3	Thu nhập khác	4.660.526.805
2	Tổng chi phí	772.266.432.316
2.1	Giá vốn hàng bán	615.160.787.638
2.2	Chi phí tài chính	16.986.677.301
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.994.028.576
2.5	Chi phí khác	1.124.938.801
3	Lãi lỗ trong liên doanh, liên kết	(108.054.062.298)
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	255.301.013.487
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.983.707.514
5	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60.788.900.250
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	181.528.405.723



7	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	176.107.417.241
8	Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	5.420.988.482

Trên đây là nội dung Báo cáo tài chính riêng năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường

Số: 264/TTTr-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

- Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-CSG ngày 30/12/2016 của Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn.

- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09//2016 về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Căn cứ công văn số 9370/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 14/07/2017 về việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Hội đồng Quản trị Cảng Sài Gòn kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn xem xét việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa phân phối của năm 2018 theo bảng tính sau:

Số TT	Khoản mục	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018	53.841.565.147
2	Trích lập các quỹ cụ thể:	7.032.096.351
2.1	Trích Quỹ khen thưởng & phúc lợi (12% lợi nhuận sau thuế)	6.460.987.818
a	Quỹ khen thưởng (2.1 * 70%)	4.522.691.472
b	Quỹ phúc lợi (2.1 * 30%)	1.938.296.345
2.2	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (01 tháng lương)	571.108.533
3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ (1-2)	46.809.468.796

Tổng số tiền trích lập các quỹ năm 2018 là 7.032.096.351 đồng, trong đó:

+ Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 6.460.987.818 đồng.

+ Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp là 571.108.533 đồng.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

-Như trên

-Hội đồng Quản trị CSG

-Ban kiểm soát CSG

-Ban điều hành CSG

-Lưu VT, HĐQT

**Huyñh Văn Cường**

BẢNG TÍNH TOÁN TRÍCH LẬP QUỸ NĂM 2018

I) Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và trích thưởng người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

1) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

a) Lợi nhuận thực hiện bằng kế hoạch thì quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

b) Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì ngoài trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại điểm a nêu trên, công ty được trích thêm bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động. (Lợi nhuận thực hiện 2018: 64.474.809.956 Lợi nhuận kế hoạch 2018: 61.300.000.000)

2) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp:

a) Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

Bảng so sánh thực hiện với kế hoạch năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (1)	Thực hiện năm 2018 (2)	So sánh	
				Tuyệt đối (3)= (2)-(1)	Tương đối (4)=(2)/(1)
1	Sản lượng (tấn)	9.256.000	9.339.416	83.416	101%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	1.224,4	1.011,3	(213,10)	83%
3	Lợi nhuận (tỷ đồng)	61,3	64,5	3,20	105%

Bảng tính toán mức trích quỹ

STT	Nội dung	Quỹ lương năm 2018 (1)	Một tháng lương bình quân thực hiện (2) = (1) /12 tháng	Mức trích Quỹ tối đa			
				Số tháng lương (3)	Mức trích tối đa theo lương bình quân thực hiện (4)= (2) x(3)	20% chênh lệch giữa lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (5) = 20% x số LN vượt	Tổng cộng (6) = (4) + (5)
I	Người lao động (Quỹ KT+PL)	148.606.088.214	12.383.840.685	3,0	37.151.522.054	634.961.991	37.786.484.045
II	Người quản lý doanh nghiệp (Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành)	6.853.302.400	571.108.533		856.662.800		856.662.800
1	Người quản lý chuyên trách	6.352.528.000	529.377.333	1,5	794.066.000		
2	Người quản lý không chuyên trách	500.774.400	41.731.200	1,5	62.596.800		

II) Cảng Sài Gòn xin trích lập quỹ như sau:

-Trích 12% quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế tương đương: $53.841.565.147 \times 12\% = 6.460.987.818 \text{ VNĐ} (< 37.786.484.045 \text{ VNĐ})$

-Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế tương đương 1 tháng lương bình quân thực hiện là $571.108.533 \text{ VNĐ} (< 856.662.800 \text{ VNĐ})$

Số: 265/TTr-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao thực hiện năm 2018 và xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019 của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines và người quản lý không chuyên trách tại Cảng Sài Gòn.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (gọi tắt là Cảng Sài Gòn);

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện, Quỹ thù lao thực hiện năm 2018 và Quỹ tiền lương kế hoạch, Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019 của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines và người quản lý không chuyên trách tại Cảng Sài Gòn như sau:

A. Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao thực hiện năm 2018

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người đại diện vốn của Vinalines (Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và các Thành viên chuyên trách HĐQT) là **2.861.568.000 đồng**.

2. Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách (gồm các Thành viên không chuyên trách của HĐQT và Ban Kiểm soát) năm 2018 là **500.774.400 đồng**.

B. Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019

1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines (Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và các Thành viên chuyên trách HĐQT) là **2.592.000.000 đồng**.

2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2019 của người quản lý không chuyên trách Cảng Sài Gòn (gồm các Thành viên không chuyên trách của HĐQT và Ban Kiểm soát) là **453.600.000 đồng**

- Mức thù lao hàng tháng của những người quản lý không chuyên trách của Cảng Sài Gòn được xây dựng bằng **10% mức tiền lương bình quân** của những người quản lý chuyên trách có chức danh tương đương trong tháng. Cụ thể:

+ Mức thù lao hàng tháng của Thành viên không chuyên trách HĐQT bằng 10% mức tiền lương bình quân hàng tháng của các Thành viên chuyên trách trong HĐQT

+ Mức thù lao hàng tháng của Thành viên không chuyên trách Ban kiểm soát bằng 10% mức tiền lương bình quân hàng tháng của các Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát.

3. Mọi quan hệ giữa Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines và Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách đối với kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Việc quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines tại Cảng Sài Gòn và Quỹ thù lao thực hiện năm 2019 của người quản lý không chuyên trách vào cuối năm sẽ được tính toán và điều chỉnh theo đúng các quy định tại Nghị định 53/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có

cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trên cơ sở mức lương bình quân kế hoạch được duyệt đầu năm và so sánh các chỉ tiêu năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch và cân đối mức tiền lương thực hiện trong khung lợi nhuận theo quy định. Cụ thể:

a). Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines:

- Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines phải giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện giảm và thấp hơn lợi nhuận thấp nhất theo từng lĩnh vực khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH thì mức tiền lương bình quân thực hiện chỉ được tính theo hệ số điều chỉnh tăng thêm trong khung quy định tương ứng với lợi nhuận nêu tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- Căn cứ vào số lượng người quản lý bình quân thực hiện trong cả năm và mức tiền lương bình quân thực hiện xác định như trên để quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện cho người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines tại Cảng Sài Gòn.

b). Quyết toán Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách:

Quyết toán Quỹ thù lao thực hiện năm 2019 của những người quản lý không chuyên trách vào cuối năm sẽ được tính toán và điều chỉnh dựa trên cơ sở tỷ lệ thù lao đã xây dựng (10%), số lượng người quản lý không chuyên trách bình quân thực tế cả năm và mức tiền lương bình quân thực hiện của các chức danh chuyên trách tương đương sau khi quyết toán vào cuối năm.

Trong năm 2019, Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách là đại diện vốn của Vinalines và Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách sẽ chỉ tối đa 88% quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch. 12% Quỹ tiền lương, quỹ thù lao còn lại của năm 2019 sẽ được chi vào cuối năm sau khi quyết toán đầy đủ.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng tải website CSG;
- Lưu: VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường

Số: 267/TTr-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và các chi nhánh trực thuộc,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn báo cáo và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh “bãi đỗ xe, giữ xe” cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn cụ thể như sau:

Trung tâm Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn (Trung tâm) là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn), với ngành nghề hoạt động chính là: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh kho bãi cảng; Quản lý, khai thác, cho thuê cầu cảng... Hiện Trung tâm được Cảng Sài Gòn giao quản lý, khai thác một số tài sản gồm: kho, bãi; văn phòng; một phần cầu tàu khu Nhà Rồng - Khánh Hội để tiếp nhận các tàu khách quốc tế, tàu quân sự, tàu dịch vụ... Thời gian qua, một số khách hàng (các hãng du lịch lữ hành, các đoàn khách tham quan, sử dụng dịch vụ của các tàu du lịch, nhà hàng, các đơn vị vận tải...) có nhu cầu xin gửi xe tại khu vực cảng Nhà Rồng Khánh Hội và một số bến bãi của Cảng Sài Gòn, nhận thấy, dịch vụ giữ xe này sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt cho Trung tâm và Cảng Sài Gòn (dự kiến doanh thu khoảng hơn 02 tỷ đồng/năm). Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, Cảng Sài Gòn cần phải đăng ký bổ sung ngành nghề “Bãi đỗ xe, giữ xe”, sau đó, sẽ đăng ký bổ sung chức năng hoạt động trên cho Trung tâm Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn.

Vì vậy, để có cơ sở triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn báo cáo và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định:

1. Chấp thuận bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn như sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mục đích kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh hiện nay của Cảng Sài Gòn	Ghi chú
01	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	Bãi đỗ xe, giữ xe	Chưa đăng ký	Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh (có điều kiện theo quy định tại

		(Chi tiết: Bến, bãi đỗ ô tô và xe có động cơ khác)		Điều 56 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT) cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn. Qua rà soát các điều kiện nêu tại Thông tư số 63/TT2014/TT-BGTVT nêu trên, Cảng Sài Gòn hoàn toàn có thể đáp ứng các điều kiện theo quy định.
--	--	--	--	--

2. Sửa đổi bổ sung Khoản 2 Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn thêm nội dung ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Chi tiết: Bến, bãi đỗ ô tô và xe có động cơ khác).

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.NS-KSNB, Tky Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường